

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **85/2020/DSST**
Ngày 28 tháng 8 năm 2020
V/v: Tranh chấp HN&GD

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nhung

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: ông Phan Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **223/2020/TLST- HNGĐ**, ngày 26 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **89/2020/QĐXXST-HNGĐ**, ngày 14 tháng 7 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 98/2020 ngày 28/7/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Đặng Thị L** - sinh năm 1996.

Địa chỉ cư trú: xóm 19, xã Sơn Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: **Anh Vũ Hữu T** - sinh năm 1997.

Địa chỉ cư trú: xóm 19, xã Sơn Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

(Các bên đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn đề ngày 23/6/2020, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, chị Đặng Thị L trình bày: Chị và anh Vũ Hữu T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tìm hiểu, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn vào ngày 29/3/2017, tại UBND xã Sơn Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì thời gian gần đây

vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không phù hợp, bất đồng quan điểm, mâu thuẫn không thể hóa giải được dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 11/2019 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Thị Quỳnh Anh - sinh ngày 29/11/2016 và Vũ Thị Như Trang - sinh ngày 05/5/2018. Trong quá trình giải quyết thì tại buổi hòa giải ngày 02/7/2020 chị và anh L đã thống nhất, thỏa thuận tình ly hôn; về con chung thì chị có nguyện vọng giao 2 con chung cho anh T nuôi dưỡng tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con đối với chị; về tài sản hai bên không yêu cầu giải quyết. Nhưng đến ngày 06/7/2020 chị L làm đơn thay đổi ý kiến về con chung, theo đơn chị L trình bày nguyện vọng được nuôi con chung là Vũ Thị Như Trang; còn giao con chung là Vũ Thị Quỳnh Anh cho anh T nuôi dưỡng với lý do hiện tại con chung còn nhỏ (mới hơn 2 tuổi), mặt khác chị cũng muốn bù đắp cho con trong thời gian chị và anh T mâu thuẫn chị phải đi làm ăn, điều kiện khi đó quá khó khăn về kinh tế nên chị phải để con lại cho bên nội và anh T nuôi, đồng thời chị cũng muốn san sẻ với anh T vì anh T nuôi 2 con một mình sẽ vất vả. Hiện nay chị đang đi làm công nhân có mức lương ổn định 6.000.000 (sáu triệu) đồng/tháng nếu tăng ca thì tiền lương sẽ tăng lên 6.500.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng và bên cạnh chị còn có bố mẹ người thân hỗ trợ, vì vậy chị đề nghị Tòa xem xét nguyện vọng của chị là giao mỗi người nuôi 1 con chung, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

- **Về tài sản:** Chị L không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Vũ Hữu T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất như lời trình bày của chị L về thời gian và điều kiện kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Hiện nay hai bên đã sống ly thân và không quan tâm tới nhau nữa. Mặc dù trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng có những bất hòa, chị L tự ý bỏ nhà đi để hai con cho anh và bên nội chăm sóc, nuôi dưỡng, chị L thiếu trách nhiệm với con, vì các con nên anh vẫn mong muốn chị L suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị L kiên quyết một hai xin ly hôn thì anh cũng thống nhất, thỏa thuận tình ly hôn như biên bản hòa giải ngày 02/7/2020 và tại phiên tòa hôm nay.

- Về con chung: Anh thống nhất lời như trình bày của chị L về phần con chung. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cả 2 con chung đến khi các con đủ 18 tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con. Mặc dù hiện nay anh làm nông nhưng ngoài ra anh còn làm nghề xây dựng với thu nhập hàng tháng khoảng từ 6.000.000 - 7.000.000 đồng, với thu nhập trên thì anh khẳng định đủ bảo đảm được cuộc sống của anh và 2 con. Hơn nữa hiện nay các con còn nhỏ nên dù vợ chồng có ly hôn anh vẫn muốn các con ở cùng với nhau cho có chị có em. Mặt khác bên cạnh anh còn có mẹ anh, người thân của

anh bên nội hỗ trợ anh trong việc nuôi con, anh không nhất trí với nguyện vọng của chị L, anh đề nghị tòa xem xét nguyện vọng của anh.

- Về tài sản: Anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Do đó hai bên không thống nhất được việc nuôi con chung và đều đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vì vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh Vũ Hữu T có hộ khẩu thường trú tại xã Sơn Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

2. Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân: Xét hôn nhân giữa chị L, anh T là hôn nhân hợp pháp, tuân thủ theo quy định của pháp luật. Song qua xem xét thực tế thì thấy rằng cuộc sống chung của vợ chồng thời gian gần đây không được hạnh phúc, mâu thuẫn liên tục xảy ra và đã thực sự căng thẳng, trầm trọng, hai bên đã sống ly thân, không còn quan tâm, trách nhiệm gì với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được căn cứ vào lời khai, ý kiến của các bên đương sự tại biên bản hòa giải, lời trình bày tại phiên tòa; biên bản xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của chị L, anh T thì thực trạng hôn nhân của hai vợ chồng đúng như chị L, anh T trình bày. Chị L xin ly hôn anh T đồng ý do đó cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa các bên đương sự.

- Về quan hệ con chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị L có nguyện vọng đề nghị Tòa giao mỗi người nuôi một con chung; anh T có nguyện vọng được nuôi cả 2 con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con. Việc nuôi con chung vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của chị L và anh T nên nguyện vọng nuôi con chung của các bên đương sự hoàn toàn là chính đáng, tuy nhiên cần xem xét nguyện vọng của các bên.

Xét nguyện vọng nuôi con của chị L Hội đồng xét xử thấy mặc dù từ khi vợ chồng ly thân hai con chung đều ở với anh T và gia đình bên nội, tại phiên tòa anh T khai nại cho rằng chị L bỏ đi làm ăn để con lại cho anh và bên nội nuôi thiếu trách nhiệm với các con, con ốm con đau không gọi về và cũng không về thăm con; chị L khai nại anh T trình bày như vậy là không đúng sự thật, chị thừa nhận vì cuộc sống vợ chồng cưới nhau về ở với bên nội, vợ chồng kinh tế eo hẹp dẫn đến cãi vã, anh T thì nghe bên nội chị không chịu đựng được vợ chồng mâu thuẫn chị phải bỏ đi khi đi chị không có tiền rất khó khăn nên chị không thể mang con theo được

đành để con ở lại cho anh T và bên nội, khi chị vừa xin được việc làm biết tin con ốm con đau nhưng chị không về được do sợ mất việc và do không có tiền để về, chị gọi điện về thì anh T chặn số hoặc không nghe chứ không phải chị không thương con thiếu trách nhiệm với con; ban đầu chị muốn các con ở một nơi cho có chị có em tuy nhiên theo chị nếu để anh T nuôi cả 2 con sẽ vất vả, nên chị tha thiết mong muốn được nuôi con như nguyện vọng đã nêu trên đề nghị Tòa xem xét. Với lý do tại phiên tòa cả hai bên đương sự trình bày thì HĐXX thấy việc dẫn đến có 2 ý kiến trái chiều như trên đều xuất phát từ mâu thuẫn tình cảm của vợ chồng, kinh tế của vợ chồng khó khăn song thực tế cho thấy tình cảm dành cho con chung của hai bên đều như nhau, hai bên đều có chung một mục tiêu là mong muốn điều tốt đẹp cho con chung, nên Tòa không xem xét các lý do này để làm căn cứ giải quyết vụ án mà xét hiện nay con chung là Vũ Thị Như Trang chưa đủ 36 tháng tuổi còn nhỏ cần sự chăm sóc, khéo léo của người mẹ, mặc dù các con hiện đang ở với anh T là ổn định nhưng nếu giao con chung cho một mình anh T nuôi thì sẽ vất vả cho anh T, bên cạnh đó thì chị L đã đi làm, có thu nhập bằng lương tháng ổn định, có người thân hỗ trợ. Vì vậy có đủ cơ sở cần chấp nhận yêu cầu của chị L. Giao con chung là Vũ Thị Như Trang - sinh ngày 05/5/2018 cho chị Đặng Thị L nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành. Giao con chung là Vũ Thị Quỳnh Anh - sinh ngày 29/11/2016 cho anh Vũ Hữu T nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

- Quan hệ tài sản: Các bên đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết nên miễn xét.

***Về án phí:** chị Đặng Thị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51, 55, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và gia đình;

- **Về hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị L và anh Vũ Hữu T.

- **Về con chung:** Buộc anh Vũ Hữu T giao con chung là Vũ Thị Như Trang - sinh ngày 05/5/2018 cho chị Đặng Thị L nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành. Tiếp tục giao con chung là Vũ Thị Quỳnh Anh - sinh ngày 29/11/2016 cho anh Vũ Hữu T nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành. Các bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Chị L, anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- **Án phí:** Căn cứ vào khoản 4, điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Buộc chị Đặng Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, án phí của chị L được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Thành (Biên lai thu tiền số: 00007408, ngày 26 tháng 6 năm 2020). Chị L đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn có mặt. Tuyên bố đề các bên đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại khoản điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND H. Yên Thành
- THADS H. Yên Thành
- TAND tỉnh
- VKSND tỉnh
- UBND xã
- Lưu HS

Lê Thị Nhung